

Số: 24 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường số 83/GXN-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2010 do UBND huyện Cẩm Giàng cấp cho dự án “Cơ sở chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương” của Công ty Cổ phần chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương số 2911/MT-THHD ngày 29/11/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 390/TTr-TNMT ngày 31/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương, địa chỉ Đội 7, thôn Văn Thai xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Cơ sở chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương” thực hiện tại Lô SKC 03/8000, trong khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp – dịch vụ tập trung, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Cơ sở chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô SKC 03/8000, trong khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp – dịch vụ tập trung, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0800645991 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 06 năm 2022.

Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000270 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 24/12/2009, thay đổi lần thứ nhất ngày 29/12/2011.

1.4. Mã số thuế: 0800645991

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến nông sản và thực phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 8.358 m².

- Quy mô, công suất:

+ Chế biến tỏi lát quy mô 500 tấn sản phẩm/năm

+ Chế biến hành lát chiên quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; chế biến hành lá quy mô 250 tấn sản phẩm/năm;

+ Chế biến cà rốt sấy khô quy mô 500 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký đến hết ngày 24/12/2034.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CP chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (để báo cáo);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Cẩm Văn;
- Cổng thông tin điện tử của UBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa nguyên liệu

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước chung của khu vực, thuộc thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2320774,87; Y = 578482,49 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30, múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 23 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy;

2.3.2. Chế độ xả thải: Gián đoạn

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT Mức A		Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
			Giá trị C (Cột A)	Cmax ($K_q=0,9$ $K_f=1,2$)		
1	Nhiệt độ	°C	40	40	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Màu	Pt/Co	50	50		
3	pH	-	6-9	6-9		
4	BOD ₅	mg/l	30	32,4		
5	COD	mg/l	75	81		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	54		
7	Asen	mg/l	0,05	0,054		
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,0054		

9	Chì	mg/l	0,1	0,108	
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	5,4	
11	Sunfua	mg/l	0,2	0,216	
12	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	5,4	
13	Tổng Nitơ	mg/l	20	21,6	
14	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	4	4,32	
15	Clo dư	mg/l	1	1,08	
16	Clorua	mg/l	500	540	
17	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,054	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3	0,324	
19	Tổng Colifom	Vi khuẩn/100ml	3.000	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sẽ được bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 3m³/ngày theo đường ống HDPE.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa nguyên liệu, máy móc và nước rửa nền nhà xưởng được dẫn theo đường ống riêng về bể xử lý nước thải công suất 20m³/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được Công ty thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý như chất thải thông thường.

Nước thải sau xử lý được xả ra mương thoát nước của khu vực, thuộc thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể trung gian → cột lọc áp lực → hố thu gom nước sau xử lý → thải ra mương thoát nước chung khu vực.

- Công suất thiết kế: 3 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất vật liệu sử dụng: Clorin (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → song chắn rác → hố thu gom → bể điều hoà → bể keo tụ, tạo bông → bể lắng keo tụ → bể trung gian → cột lọc áp lực → hố thu gom nước sau xử lý → thải ra mương thoát nước chung khu vực.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm.

- Hoá chất sử dụng: PAA, PAC, Clorin (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng để phát hiện và xử lý các lỗi kỹ thuật có thể mắc phải trong suốt quá trình vận hành. Có những bộ phận, thiết bị dự trữ trong kho để thay thế khi cần thiết.

+ Niêm yết sơ đồ quy trình xử lý nước thải tại khu xử lý; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, giữ nguyên nước thải tại các bể, không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường. Khi gặp sự cố vượt quá khả năng lưu chứa của bể, Công ty dừng hoạt động sản xuất để thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường mới sản xuất trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 6 tháng

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 3 m³/ngày.đêm và nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí (01 vị trí tại bể gom nước thải sinh hoạt, 01 vị trí tại bể gom nước thải sản xuất và 01 vị trí tại điểm xả nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục

2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải: Không lấy mẫu để phân tích.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải:

- Mẫu nước thải trước xử lý tại 02 vị trí trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn):

+ 01 điểm lấy hồ gom nước thải sản xuất

+ 01 điểm lấy bể thu gom nước thải sinh hoạt.

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn)

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT Mức A ($K_q = 1$; $K_f = 1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét định kỳ hố ga thu nước mưa và rãnh thoát nước mưa, nước thải phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài.

3.5. Công ty có trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải nêu trên, cụ thể như sau:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho UBND huyện Cẩm Giàng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5,6,7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc và hiệu quả xử lý nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải: 01 dòng khí thải, tương ứng với ống phóng không của hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò hơi. Tọa độ: X= 2320803,48; Y= 578373,38

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^o30', múi chiều 3^o)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 14.400 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Gián đoạn theo ca làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (K_p=1; K_v=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép C _{max} (K _p =1; K _v =1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	240	Không thuộc đối tượng
2	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	1200	
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.020	
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	600	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống lò hơi đốt than được thu gom theo đường ống dẫn khí đưa về hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi: Dòng bụi, khí thải lò hơi → ống dẫn khí → quạt hút → bể nước hấp thụ → ống khói → môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 14.400 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước (hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Khi hệ thống xử lý khí thải lò hơi gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này thì Công ty sẽ ngừng ngay hoạt động của lò hơi và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý khí thải như quạt hút..

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 6 tháng

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, công suất 14.400 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí, tại ống phồng không của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần chế biến nông sản thực phẩm Tân Hương phải giám sát chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Toạ độ X= 2320792,59; Y= 578389,03

(Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

STT	Thông số		QCVN	QCVN
			26:2010/BTNMT	27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	6 giờ đến 21 giờ	70 dBA	
		21 giờ đến 6 giờ	55 dBA	
2	Độ rung	6 giờ đến 21 giờ		70dB
		21 giờ đến 6 giờ		60dB

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và độ rung.

- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn cho phép.

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy.

- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng kỹ thuật; thường xuyên tra dầu bôi trơn.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở vị trí phát sinh tiếng ồn như nút bịt tai.

- Bố trí thời gian lao động hợp lý cho người lao động nhằm giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn.

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ, đặc biệt là yếu tố thính lực.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	20,6	16 01 06
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	Rắn	18	16 01 13
3	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	18	17 02 03
4	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	85,2	18 02 01
	Tổng số lượng		141,8	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng Kg/năm
1	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hỏng	Rắn	14 04 03	48.760
2	Giấy và bao bì các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	2.000
3	Bao bì nhựa thải	Rắn	18 01 06	1.000
4	Bùn cặn từ hệ thống sơ chế làm sạch	Bùn	14 04 01	25.000
5	Xi than	Rắn	-	20.000
6	Nước thải từ bể xử lý bụi, khí thải lò hơi	Lỏng	-	3000 kg/đợt
	Tổng			96.760

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1,4 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích khu vực lưu giữ: 3,5m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ bảo đảm sàn kín, không bị thấm thấu, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ kho. Kho được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ, bố trí vật liệu hoặc thiết bị để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa.

- Diện tích kho: 4 m² được bố trí trong khu vực sản xuất

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 5**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất hiện nay của Cơ sở chế biến cà rốt sấy khô và kinh doanh tỏi chiên, hành lá, hành chiên. Do đó, trước khi Cơ sở lắp đặt máy móc, thiết bị để sản xuất tỏi chiên, hành lá, hành chiên và chế biến nước cà rốt thì phải lập lại hồ sơ môi trường theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.